TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.33 /.2018/QĐST-HNGĐ	*Bỉm sơn ngày* 26 *tháng 4 năm* 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 45/ 2018/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trịnh Văn T** sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 523, đường TP , thôn NM , phường LS, thị xã BS , tỉnh TH.

Và Bị đơn: Chị **Mai Thị T** sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 523, đường TP , thôn NM , phường LS, thị xã BS , tỉnh TH.

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 212 và 213; khoản 3 điều 144; khoản 4 điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Điều 55; 81;82;83;84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 và mục 1.1(phần án phí Dân sự) danh mục về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày17 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa :**

Nguyên đơn: Anh **Trịnh Văn T** sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 523, đường TP , thôn NM , phường LS, thị xã BS , tỉnh TH.

Và Bị đơn: Chị **Mai Thị T** sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 523, đường TP , thôn NM , phường LS, thị xã BS , tỉnh TH.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn T và chị Mai Thị T .

*Về phần con cái: Vợ chồng có 01 con chung cháu tên là: Trịnh Văn H (nam) sinh ngày 01/5/2003 . Vợ chồng thống nhất giao cháu H cho chị Mai Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Việc đóng góp nuôi con chung các đương sự tự giải quyết với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Trịnh Văn T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, chị Mai Thị T không được ngăn cản. Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

*Về phần tài sản: các đương sự tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Về án phí:** Anh Trịnh Văn T và chị Mai Thị T mỗi người phải nộp 75.000đ án phí DSST. Hai bên thống nhất chuyển tiền dự phí anh T đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự BS là **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: 0000599 ngày 26 tháng 3 năm 2018 sang phần án phí Dân sự mà hai người phải nộp.

-Trả lại cho anh Trịnh Văn T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) sau khi trừ đi khoản án phí mà anh Tuấn và chị T phải nộp. Như vậy, anh T và chị T đã thi hành xong khoản án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND p. Bắc sơn, TX Bỉm sơn, tỉnh Thanh hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Hương

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.33 /.2018/QĐST-HNGĐ	*Bỉm sơn ngày* 26 *tháng 4 năm* 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 45/ 2018/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trịnh Văn Tuấn** sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 523, đường Trần Phú, thôn Nghĩa Môn, phường Lam sơn thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh hóa.

Và Bị đơn: Chị **Mai Thị Thúy** sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 523, đường Trần Phú, thôn Nghĩa Môn, phường Lam sơn thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh hóa.

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 212 và 213; khoản 3 điều 144; khoản 4 điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Điều 55; 81;82;83;84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 và mục 1.1(phần án phí Dân sự) danh mục về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày17 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

2. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa :**

Nguyên đơn: Anh **Trịnh Văn Tuấn** sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 523, đường Trần Phú, thôn Nghĩa Môn, phường Lam sơn thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh hóa.

Và Bị đơn: Chị **Mai Thị Thúy** sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 523, đường Trần Phú, thôn Nghĩa Môn, phường Lam sơn thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn Tuấn và chị Mai Thị Thúy.

*Về phần con cái: Vợ chồng có 01 con chung cháu tên là: Trịnh Văn Hưng (nam) sinh ngày 01/5/2003 . Vợ chồng thống nhất giao cháu Hưng cho chị Mai Thị Thúy trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Việc đóng góp nuôi con chung các đương sự tự giải quyết với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Trịnh Văn Tuấn được quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, chị Mai Thị Thúy không được ngăn cản. Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

*Về phần tài sản: các đương sự tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Về án phí:** Anh Trịnh Văn Tuấn và chị Mai Thị Thúy mỗi người phải nộp 75.000đ án phí DSST. Hai bên thống nhất chuyển tiền dự phí anh Tuấn đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự Bỉm sơn là **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: 0000599 ngày 26 tháng 3 năm 2018 sang phần án phí Dân sự mà hai người phải nộp.

-Trả lại cho anh Trịnh Văn Tuấn số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) sau khi trừ đi khoản án phí mà anh Tuấn và chị Thúy phải nộp. Như vậy, anh Tuấn và chị Thúy đã thi hành xong khoản án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND p. Bắc sơn, TX Bỉm sơn, tỉnh Thanh hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).